

CÔNG AN - NGOẠI GIAO

**THÔNG TƯ liên tịch số 03/2002/TTLT-
BCA-BNG ngày 29/1/2002 hướng
dẫn việc cấp hộ chiếu phổ thông
và giấy thông hành cho công
dân Việt Nam ở nước ngoài theo
Nghị định số 05/2000/NĐ-CP ngày
03/3/2000 của Chính phủ về xuất
cảnh, nhập cảnh của công dân
Việt Nam.**

Thực hiện Nghị định số 05/2000/NĐ-CP ngày 03/3/2000 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, Bộ Công an và Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi hộ chiếu phổ thông và giấy thông hành cho công dân Việt Nam ở nước ngoài như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này hướng dẫn việc cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi hộ chiếu phổ thông và giấy thông hành cho công dân Việt Nam ở nước ngoài.

2. Việc cấp giấy thông hành cho công dân Việt Nam ở những nước có ký Hiệp định hoặc Thỏa thuận với Việt Nam về việc nhận trở lại công dân Việt Nam không được nước ngoài cho cư trú; người Việt Nam định cư ở nước ngoài hồi hương theo Quyết định số 875/TTg ngày 21/11/1996 của Thủ tướng Chính phủ không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

3. Việc cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi hộ chiếu phổ thông và giấy thông hành cho công dân Việt Nam ở nước ngoài nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc cư trú, đi lại của công dân Việt Nam, nhưng phải đảm bảo chính xác và phục vụ được yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

4. Công dân Việt Nam ở nước ngoài đề nghị cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi hộ chiếu phải trực tiếp có mặt tại cơ quan khác đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự hoặc cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự (sau đây gọi chung là cơ quan đại diện) để nộp hồ sơ và nhận hộ chiếu. Trường hợp người đề nghị cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi hộ chiếu đang ở nước chưa có cơ quan đại diện hoặc vì ốm đau, bệnh tật hoặc vì lý do đặc biệt khác mà không trực tiếp nộp hồ sơ hoặc nhận hộ chiếu được thì những người đứng đầu cơ quan đại diện xem xét, quyết định cho nộp hoặc nhận thay trên cơ sở có đơn của người đề nghị.

5. Trường hợp phức tạp về an ninh, cơ quan đại diện chỉ cấp hộ chiếu hoặc giấy thông hành khi có ý kiến đồng ý của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an.

6. Trong Thông tư này, những khái niệm sau đây được hiểu là:

- Giấy tờ chứng minh có quốc tịch Việt Nam bao gồm: Giấy chứng nhận có quốc tịch Việt Nam; quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam; quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam; giấy chứng minh nhân dân và hộ chiếu do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

- Giấy tờ chứng nhận nhân thân, có ảnh đóng dấu giáp lai do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp bao gồm: giấy chứng minh nhân dân; giấy chứng nhận nhân thân (theo mẫu) có xác nhận của Trưởng công an cấp phường, xã nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi xuất cảnh; giấy xác nhận yếu tố nhân sự do Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an cấp; sơ yếu lý lịch có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền, nếu người đó đang là cán bộ, viên chức nhà nước thuộc quyền quản lý của cơ quan đó.

- Yếu tố nhân thân của người đề nghị cấp hộ chiếu bao gồm: họ tên khai sinh; ngày tháng năm sinh; nơi sinh; giới tính; quốc tịch; địa chỉ hiện

nay và địa chỉ thường trú ở trong nước trước khi xuất cảnh.

- *Yếu tố nhân sự của người đề nghị cấp hộ chiếu bao gồm:* yếu tố nhân thân, ảnh và thông tin về thời gian, cửa khẩu, hình thức xuất cảnh, chi tiết giấy tờ xuất nhập cảnh (loại giấy tờ, số, ngày và cơ quan cấp, thời hạn), thân nhân đã hoặc đang sống tại Việt Nam (họ tên, quan hệ, thời gian và địa chỉ thường trú), kể cả trường hợp thân nhân đã chết.

II. VIỆC CẤP, GIA HẠN, BỔ SUNG, SỬA ĐỔI HỘ CHIẾU VÀ GIẤY THÔNG HÀNH

1. Việc cấp hộ chiếu cho những người chưa có hộ chiếu (cấp lần đầu).

1.1. Hồ sơ nộp tại cơ quan đại diện gồm:

- Tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu và ảnh theo quy định;

- Bản sao giấy tờ chứng minh có quốc tịch Việt Nam;

- Bản sao giấy tờ chứng nhận nhân thân, có ảnh đóng dấu giáp lai do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

Khi nộp bản sao các giấy tờ trên thì xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu. Trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ chứng nhận nhân thân, có ảnh đóng dấu giáp lai do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp thì nộp sơ yếu lý lịch theo quy định.

Đối với người đã được nước sở tại cho cư trú thì nộp kèm theo giấy phép cư trú hợp lệ. Trường hợp chưa được nước sở tại cho cư trú thì trong tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu cần ghi rõ nguồn gốc, thời gian, lý do và mục đích đến cư trú ở nước sở tại, kèm theo các giấy tờ chứng minh (nếu có).

1.2. Cơ quan đại diện giải quyết như sau:

a) Trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam, các yếu tố nhân thân và nội dung kê khai đầy đủ, chính xác, không thuộc trường hợp quy định tại Mục III Thông tư này, thì trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đại diện cấp hộ chiếu cho người đề nghị.

b) Trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ chứng nhận nhân thân, có ảnh đóng dấu giáp lai do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp, cơ quan đại diện hướng dẫn người đề nghị cấp hộ chiếu khai sơ yếu lý lịch, nộp kèm theo các giấy tờ có giá trị tham khảo về quốc tịch (phù hợp với pháp luật Việt Nam về quốc tịch). Cơ quan đại diện lập danh sách gồm các yếu tố nhân sự và ảnh của người đề nghị cấp hộ chiếu gửi về Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao. Cục Lãnh sự có trách nhiệm chuyển danh sách và ảnh đó cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an để xác minh về nhân thân và cơ quan chức năng của Bộ Tư pháp để xác minh về quốc tịch (tùy theo yêu cầu xác minh). Trong thời hạn 40 ngày, kể từ ngày nhận được danh sách do Cục Lãnh sự chuyển, Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cơ quan chức năng của Bộ Tư pháp có trách nhiệm xem xét trả lời Cục Lãnh sự để Cục Lãnh sự trả lời cơ quan đại diện. Cơ quan đại diện xem xét, giải quyết và trả lời cho người đề nghị cấp hộ chiếu trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Cục Lãnh sự.

1.3. Thân nhân ở Việt Nam của người đề nghị cấp hộ chiếu (cha, mẹ, vợ, chồng, con, ông bà nội ngoại, anh chị em ruột hoặc chú, bác, cô, dì ruột) có thể trực tiếp đến Cục Quản lý xuất nhập cảnh hoặc Phòng Quản lý xuất nhập cảnh công an tỉnh, thành phố nơi cư trú đề nghị xác nhận yếu tố nhân sự của người đề nghị cấp hộ chiếu.

Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được

đơn, Cục Quản lý xuất nhập cảnh xem xét và có văn bản trả lời, đồng thời thông báo cho cơ quan đại diện.

Khi công dân Việt Nam ở nước ngoài nộp tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu, kèm theo giấy tờ xác nhận yếu tố nhân sự của Cục Quản lý xuất nhập cảnh, thì trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các giấy tờ nêu trên, cơ quan đại diện xem xét, quyết định.

1.4. Việc cấp hộ chiếu cho các trường hợp đặc biệt khác, cơ quan đại diện báo cáo Bộ Ngoại giao để Bộ Ngoại giao xem xét, quyết định, sau khi có ý kiến của Bộ Công an xác nhận không có vấn đề về mặt an ninh và đảm bảo nguyên tắc chỉ cấp hộ chiếu cho công dân Việt Nam.

2. Việc cấp lại hộ chiếu do bị mất.

2.1. Hồ sơ nộp tại cơ quan đại diện gồm:

- Tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu và ảnh theo quy định;

- Đơn trình báo mất hộ chiếu có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại, nơi người đó trình báo.

2.2. Cơ quan đại diện giải quyết như sau:

a) Sau khi nhận được đơn trình báo mất hộ chiếu, cơ quan đại diện có trách nhiệm thông báo kịp thời yếu tố nhân sự cho:

- Cơ quan đã cấp hộ chiếu đó để kiểm tra và hủy giá trị sử dụng của hộ chiếu này;

- Cục Quản lý xuất nhập cảnh để thông báo các cửa khẩu;

- Cơ quan có chức năng quản lý xuất nhập cảnh của nước sở tại.

b) Trường hợp hộ chiếu bị mất do chính cơ quan đại diện cấp, cơ quan đại diện kiểm tra, đối chiếu với hồ sơ lưu hoặc hồ sơ đăng ký công dân, nếu xác định yếu tố nhân sự mà người đề nghị

cấp lại hộ chiếu khai là chính xác, không thuộc trường hợp quy định tại Mục III Thông tư này, thì trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đại diện cấp lại hộ chiếu.

c) Những trường hợp khác, cơ quan đại diện gửi yếu tố nhân sự, kèm theo ảnh của người đề nghị cấp lại hộ chiếu đến cơ quan đã cấp hộ chiếu bị mất để xác minh.

Nếu cơ quan được yêu cầu xác minh xác nhân có cấp hộ chiếu đó, thì trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, cơ quan đại diện cấp lại hộ chiếu.

Nếu cơ quan được yêu cầu xác minh trả lời không cấp hộ chiếu đã khai mất, thì cơ quan đại diện không cấp lại hộ chiếu cho người đó và yêu cầu khai báo rõ ràng, chính xác để xem xét, giải quyết theo hướng dẫn tại điểm 1 Mục này. Trường hợp được xem xét lại và giải quyết, cơ quan đại diện thông báo rõ lý do giải quyết cho Cục Lãnh sự và Cục Quản lý xuất nhập cảnh biệt.

Sau 45 ngày kể từ ngày cơ quan đại diện gửi yêu cầu xác minh mà không nhận được ý kiến trả lời của cơ quan cấp hộ chiếu, thì người đứng đầu cơ quan đại diện xem xét, quyết định.

2.3. Thân nhân ở Việt Nam của người đề nghị cấp lại hộ chiếu (cha, mẹ, vợ, chồng, con, ông bà nội ngoại, anh chị em ruột hoặc chú, bác, cô, dì ruột) có thể trực tiếp đến Cục Quản lý xuất nhập cảnh hoặc Phòng Quản lý xuất nhập cảnh công an tỉnh, thành phố nơi cư trú đề nghị xác nhận yếu tố nhân sự của người đề nghị cấp lại hộ chiếu.

Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được đơn, Cục Quản lý xuất nhập cảnh xem xét và có văn bản trả lời, đồng thời thông báo cho cơ quan đại diện.

Khi công dân Việt Nam ở nước ngoài nộp tờ khai đề nghị cấp lại hộ chiếu, kèm theo giấy tờ xác nhận yếu tố nhân sự của người đó do Cục

Quản lý xuất nhập cảnh cấp, thì trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đại diện xem xét, quyết định.

3. Việc cấp lại hộ chiếu do bị hư hỏng (rách, bẩn,...), hết trang hoặc hết hạn sử dụng.

3.1. Hồ sơ nộp cho cơ quan đại diện gồm:

- Tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu và ảnh theo quy định;

- Hộ chiếu bị hư hỏng, hết trang hoặc hết hạn sử dụng.

3.2. Cơ quan đại diện giải quyết như sau:

a) Trường hợp hộ chiếu bị hư hỏng, hết trang hoặc hết hạn sử dụng, nhưng trang nhân thân và ảnh còn nguyên vẹn, không bị tẩy xóa, hoặc đổi chiếu ảnh trong tờ khai và trong hộ chiếu cũ đúng với người đề nghị, không thuộc trường hợp quy định tại Mục III Thông tư này, thì trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đại diện cấp lại hộ chiếu.

b) Trường hợp hộ chiếu có dấu hiệu không bình thường như: bị tẩy xóa, sửa chữa tại trang nhân thân, thay ảnh, thay trang, khâu lại hộ chiếu, ảnh trong hộ chiếu bị mờ, bong..., cơ quan đại diện gửi công văn, kèm theo bản sao hộ chiếu và ảnh đến cơ quan đã cấp hộ chiếu đó để xác minh. Nội dung công văn yêu cầu xác minh cần nêu rõ các dấu hiệu không bình thường nói trên. Nếu cơ quan xác minh trả lời không cấp hộ chiếu đó, thì cơ quan đại diện không cấp lại hộ chiếu cho người đề nghị và yêu cầu khai báo rõ ràng, chính xác để xem xét, giải quyết theo hướng dẫn tại điểm 1 Mục này. Trường hợp được xem xét lại và giải quyết, cơ quan đại diện thông báo rõ lý do giải quyết cho Cục Lãnh sự và Cục Quản lý xuất nhập cảnh biết.

Sau 45 ngày kể từ ngày cơ quan đại diện gửi yêu cầu xác minh mà không nhận được ý kiến

trả lời của cơ quan cấp hộ chiếu, thì người đứng đầu cơ quan đại diện xem xét, quyết định.

Trường hợp hộ chiếu có dấu hiệu không bình thường nêu trên, nếu người đề nghị cấp hộ chiếu nộp hoặc xuất trình giấy tờ chứng nhận nhân thân, có ảnh đóng dấu giáp lai do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp, cơ quan đại diện giải quyết như quy định tại điểm 3.2a Mục này.

c) Đối với hộ chiếu được cấp lại, cơ quan đại diện bị chú vào hộ chiếu mới nội dung "Hộ chiếu này thay cho hộ chiếu số....., do.....cấp ngày.....tháng.....năm.....", đồng thời cắt góc hộ chiếu cũ và trả cho người được cấp lại.

4. Việc gia hạn, bổ sung, sửa đổi hộ chiếu.

4.1. Việc gia hạn hộ chiếu:

a) Trong vòng 12 tháng trước khi hộ chiếu hết hạn, nếu có nhu cầu gia hạn hộ chiếu thì người mang hộ chiếu phải nộp cho cơ quan đại diện tờ khai đề nghị gia hạn hộ chiếu theo mẫu quy định, kèm theo hộ chiếu.

b) Cơ quan đại diện giải quyết như sau:

- Nếu xác định hộ chiếu của người đề nghị gia hạn còn nguyên vẹn, không có dấu hiệu bị tẩy xóa, sửa chữa ở trang nhân thân, không bị thay ảnh, thay trang hoặc khâu lại hộ chiếu, không thuộc trường hợp quy định tại Mục III Thông tư này, thì trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đại diện gia hạn hộ chiếu.

- Nếu hộ chiếu của người đề nghị gia hạn có dấu hiệu không bình thường như: bị tẩy xóa, sửa chữa ở trang nhân thân, thay ảnh, thay trang, khâu lại hộ chiếu, thì cơ quan đại diện gửi công văn, kèm theo bản sao hộ chiếu và ảnh đến cơ quan đã cấp hộ chiếu để xác minh. Nội dung công văn yêu cầu xác minh cần nêu rõ các dấu hiệu không bình thường nói trên. Nếu cơ quan

xác minh trả lời không cấp hộ chiếu đó, thì cơ quan đại diện không gia hạn mà thu hồi hộ chiếu và yêu cầu khai báo rõ ràng, chính xác để xem xét, giải quyết theo hướng dẫn tại điểm 1 Mục này. Trường hợp được xem xét lại và giải quyết, cơ quan đại diện thông báo rõ lý do giải quyết cho Cục Lãnh sự và Cục Quản lý xuất nhập cảnh biết.

Trường hợp hộ chiếu có dấu hiệu không bình thường nêu trên, nếu người đề nghị cấp hộ chiếu nộp hoặc xuất trình giấy tờ chứng nhận nhân thân, có ảnh đóng dấu giáp lai do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp, thì cơ quan đại diện xem xét, quyết định cấp hộ chiếu mới thay hộ chiếu cũ đã bị hư hỏng, không phải xác minh qua cơ quan đã cấp hộ chiếu.

Trường hợp phức tạp, cơ quan đại diện trao đổi với Cục Quản lý xuất nhập cảnh để phối hợp xử lý.

- Nếu hộ chiếu đã hết hạn sử dụng, hộ chiếu cấp cho người dưới 16 tuổi thì cơ quan đại diện không gia hạn mà hướng dẫn họ làm thủ tục cấp lại hộ chiếu và giải quyết theo quy định tại điểm 3 Mục này.

4.2. Việc bổ sung, sửa đổi hộ chiếu:

a) Người đề nghị bổ sung, sửa đổi hộ chiếu phải nộp cho cơ quan đại diện tờ khai đề nghị bổ sung, sửa đổi hộ chiếu theo mẫu quy định, kèm theo hộ chiếu.

Những trường hợp sau đây cần nộp thêm bản sao giấy tờ có giá trị pháp lý liên quan đến nội dung đề nghị bổ sung, sửa đổi, đồng thời xuất trình bản chính để đối chiếu:

- Bổ sung trẻ em vào hộ chiếu của cha, mẹ đẻ; cha, mẹ nuôi hoặc người đỡ đầu thì nộp bản sao giấy khai sinh của trẻ em đó hoặc bản sao quyết định của cấp có thẩm quyền công nhận việc nuôi con nuôi hoặc đỡ đầu.

- Sửa đổi yếu tố về nhân thân: họ, tên, tên đệm, ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh..., thì tùy trường hợp cụ thể mà nộp bản sao giấy khai sinh, giấy chứng minh nhân dân hoặc bản sao quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi cư trú trước đây ở Việt Nam) cho phép thay đổi, cải chính họ, tên, tên đệm, ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh....

b) Cơ quan đại diện giải quyết như sau:

- Nếu hộ chiếu của người đề nghị bổ sung, sửa đổi còn nguyên vẹn, trang nhân thân không bị tẩy xóa, sửa chữa, không bị thay ảnh hoặc dán lại ảnh và yếu tố nhân thân ghi ở các loại giấy tờ trên chính xác, thì cơ quan đại diện bổ sung, sửa đổi trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ hợp lệ.

- Nếu không có căn cứ xác định yếu tố nhân thân ghi ở các loại giấy tờ trên là chính xác, thì cơ quan đại diện không bổ sung, sửa đổi vào hộ chiếu. Nếu người đó tiếp tục đề nghị bổ sung, sửa đổi, thì cơ quan đại diện gửi bản sao giấy tờ đó và nêu rõ những yếu tố chưa chính xác hoặc nghi vấn về Cục Lãnh sự để xử lý theo quy định tại điểm 1.2b Mục này.

- Không bổ sung trẻ em vào hộ chiếu của người không phải là cha, mẹ đẻ; cha, mẹ nuôi hoặc người đỡ đầu; không bổ sung trẻ em không có quốc tịch Việt Nam vào hộ chiếu của công dân Việt Nam.

- Sau khi bổ sung, sửa đổi hộ chiếu, cơ quan đại diện thông báo cho cơ quan cấp hộ chiếu biết.

5. Việc cấp giấy thông hành.

5.1. Giấy thông hành cấp cho những trường hợp không có hộ chiếu sau đây để về nước:

a) Bị chính quyền nước sở tại trục xuất hoặc buộc xuất cảnh về Việt Nam;

b) Phải về nước theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam;

c) Có nguyện vọng được cấp giấy tờ để về nước.

5.2. Những người thuộc diện nêu tại điểm 5.1 Mục này, phải nộp cho cơ quan đại diện tờ khai để nghị cấp giấy thông hành theo mẫu quy định và giấy tờ nêu tại điểm 1.1 Mục này (nếu có).

5.3. Cơ quan đại diện giải quyết như sau:

a) Trường hợp nêu tại điểm 5.1a, cơ quan đại diện gửi yếu tố nhân thân, kèm theo ảnh về Cục Lãnh sự. Cục Lãnh sự có trách nhiệm gửi các tài liệu này cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh để xác minh. Trên cơ sở kết quả xác minh của Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Cục Lãnh sự thông báo cho cơ quan đại diện giải quyết.

b) Trường hợp nêu tại điểm 5.1b, cơ quan có yêu cầu đưa đương sự về nước cần trao đổi bằng văn bản với Cục Lãnh sự và Cục Quản lý xuất nhập cảnh. Cơ quan đại diện chỉ cấp giấy thông hành cho đương sự khi có thông báo của Cục Lãnh sự hoặc Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

c) Đối với trường hợp nêu tại điểm 5.1c, cơ quan đại diện xử lý như sau:

- Nếu có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam, yếu tố nhân thân và nội dung kê khai đầy đủ, chính xác, không thuộc trường hợp quy định tại Mục III Thông tư này, thì trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đại diện cấp giấy thông hành.

- Nếu không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam, mà chỉ có bản khai sơ yếu lý lịch hoặc nội dung kê khai trong tờ khai có điểm nghi vấn, thì cơ quan đại diện thực hiện theo quy định tại điểm 1.2b Mục này.

d) Đối với trường hợp quy định tại các điểm 1, 3, 4, 5 và 6 Mục III Thông tư này, cơ quan đại diện chỉ cấp giấy thông hành khi có thông báo đồng ý của Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

đ) Đối với người được cấp giấy thông hành để về nước nêu tại điểm 5.1a và điểm 5.1b Mục này, cơ quan đại diện cung cấp kịp thời các thông tin về thời gian, phương tiện, số hiệu chuyến bay và cửa khẩu nhập cảnh của đương sự cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh và Cục Lãnh sự để phối hợp xử lý.

III. TRƯỜNG HỢP CHƯA ĐƯỢC CẤP, GIA HẠN, BỔ SUNG, SỬA ĐỔI HỘ CHIẾU

Những trường hợp sau đây chưa được cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi hộ chiếu:

1. Vì lý do an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội của Việt Nam;
2. Đang cư trú ở nước ngoài theo quy chế tị nạn;
3. Quốc tịch, nhân thân và các chi tiết kê khai không rõ ràng hoặc không có cơ sở để xác định nội dung kê khai là đúng sự thật;
4. Giả mạo hồ sơ hoặc khai không đúng sự thật để được cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi hộ chiếu;
5. Mua, bán hoặc cho người khác mượn và sử dụng hộ chiếu;
6. Cố ý làm hư hỏng hộ chiếu.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sau khi cấp hộ chiếu, giấy thông hành, cơ quan đại diện có trách nhiệm thông báo kịp thời danh sách những người được cấp hộ chiếu, giấy thông hành, nêu rõ yếu tố nhân thân và chi tiết hộ chiếu, giấy thông hành về Cục Quản lý xuất nhập cảnh và Cục Lãnh sự.

2. Khi phát hiện những trường hợp nêu tại Mục III Thông tư này đã được cấp hộ chiếu, nếu hộ chiếu đó do chính cơ quan đại diện cấp thì cơ quan đại diện thu hồi hoặc thông báo hủy giá trị sử dụng; nếu hộ chiếu đó do cơ quan khác cấp thì cơ quan đại diện thu giữ và gửi về cơ quan cấp. Ngay sau khi thu hồi hoặc thu giữ hộ chiếu, cơ quan đại diện thông báo cho Cục Lãnh sự và Cục Quản lý xuất nhập cảnh phối hợp xử lý.

3. Cục Quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện công tác xác minh, báo cáo về các trường hợp công dân Việt Nam ở nước ngoài đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu quy định tại Thông tư này.

b) Hướng dẫn thực hiện quy định về việc thân nhân ở trong nước đề nghị xác nhận yếu tố nhân sự của người đề nghị cấp hộ chiếu.

c) Ban hành mẫu "Đơn đề nghị xác nhận yếu tố nhân sự", "Giấy xác nhận yếu tố nhân sự" và "Giấy chứng nhận nhân thân".

d) Kịp thời trao đổi với Cục Lãnh sự và cơ quan đại diện để giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện Thông tư này. Phối hợp với Cục Lãnh sự tổ chức kiểm tra, nắm tình hình việc thực hiện Thông tư này tại các cơ quan đại diện khi có yêu cầu.

4. Cục Lãnh sự có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn các cơ quan đại diện và Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh thực hiện Thông tư này.

b) Chủ trì, phối hợp với Cục Quản lý xuất nhập cảnh ban hành các loại mẫu: "Tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu"; "Tờ khai đề nghị gia hạn, bổ sung, sửa đổi hộ chiếu"; "Tờ khai đề nghị cấp giấy thông hành"; "Sơ yếu lý lịch".

5. Định kỳ hàng năm, các cơ quan đại diện có

trách nhiệm sơ kết việc thực hiện Thông tư này gửi về Cục Quản lý xuất nhập cảnh và Cục Lãnh sự.

6. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Thông tư liên tịch số 02/1998/TTLT-BNV-BNG ngày 19/5/1998 của Bộ Nội vụ - Bộ Ngoại giao. Những quy định và hướng dẫn liên tịch trước đây của Bộ Công an - Bộ Ngoại giao trái với Thông tư liên tịch này đều bãi bỏ./.

KT. Bộ trưởng Bộ Công an
Thủ trưởng

NGUYỄN VĂN HƯỜNG

KT. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao
Thủ trưởng

NGUYỄN VĂN NGÀNH

THÔNG TƯ liên tịch số 04/2002/TTLT-BCA-BNG ngày 29/1/2002 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 21/2001/NĐ-CP ngày 28/5/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

Thực hiện Nghị định số 21/2001/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi là Nghị định), Bộ Công an và Bộ Ngoại giao hướng dẫn như sau: